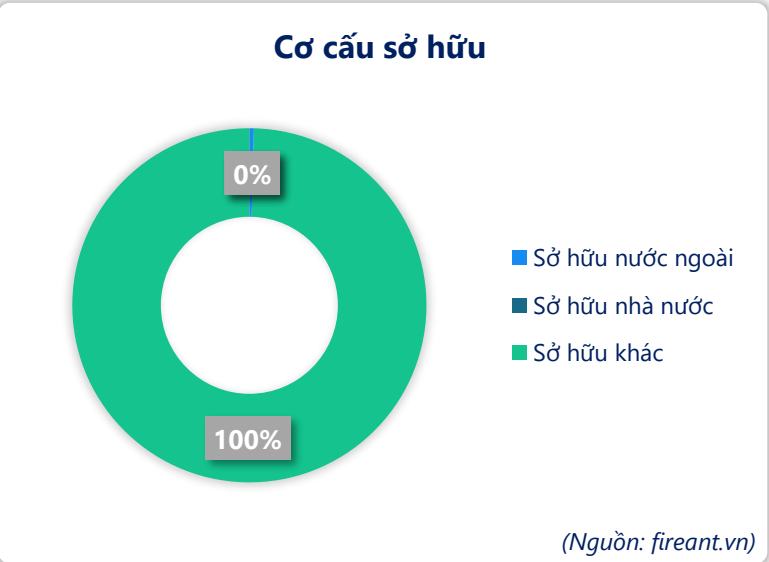
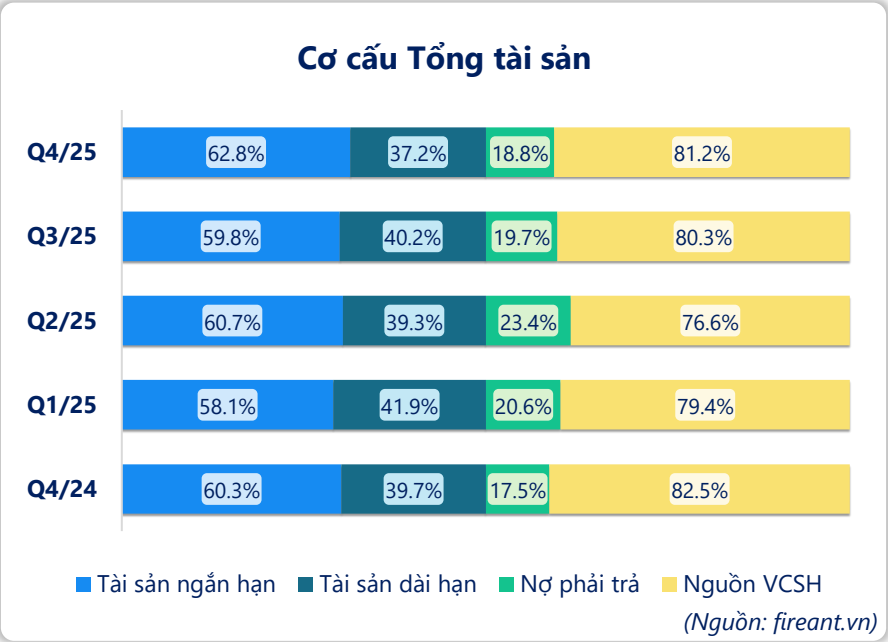
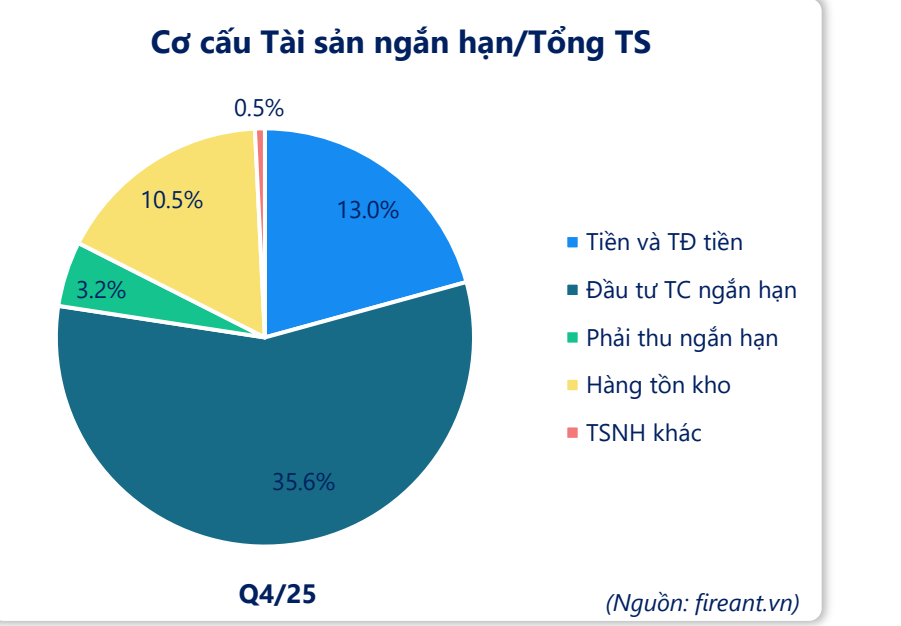
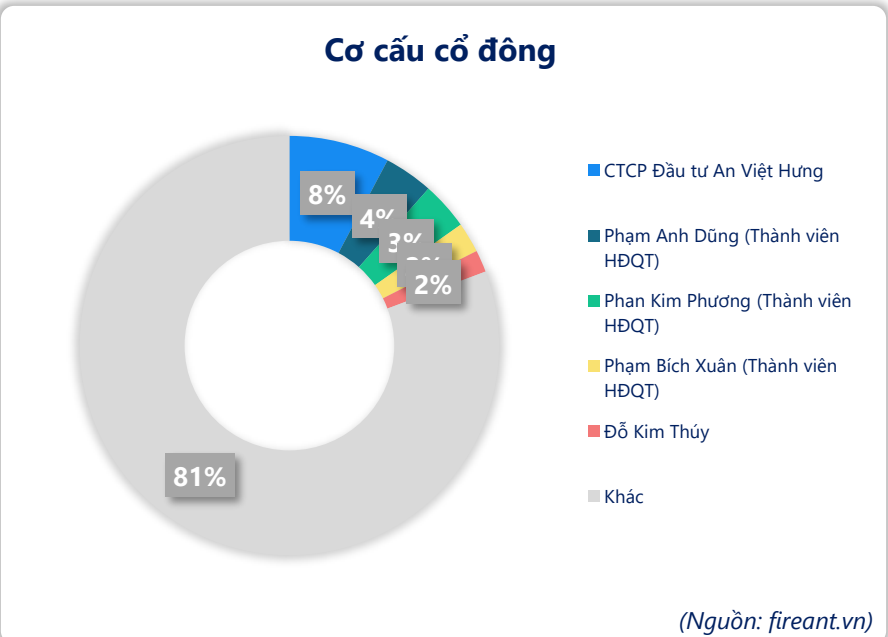
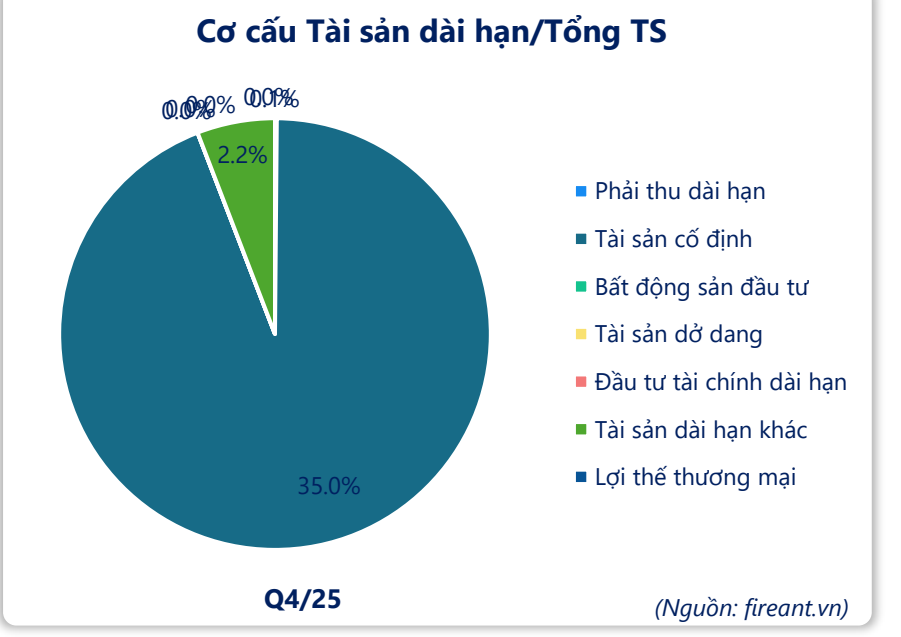
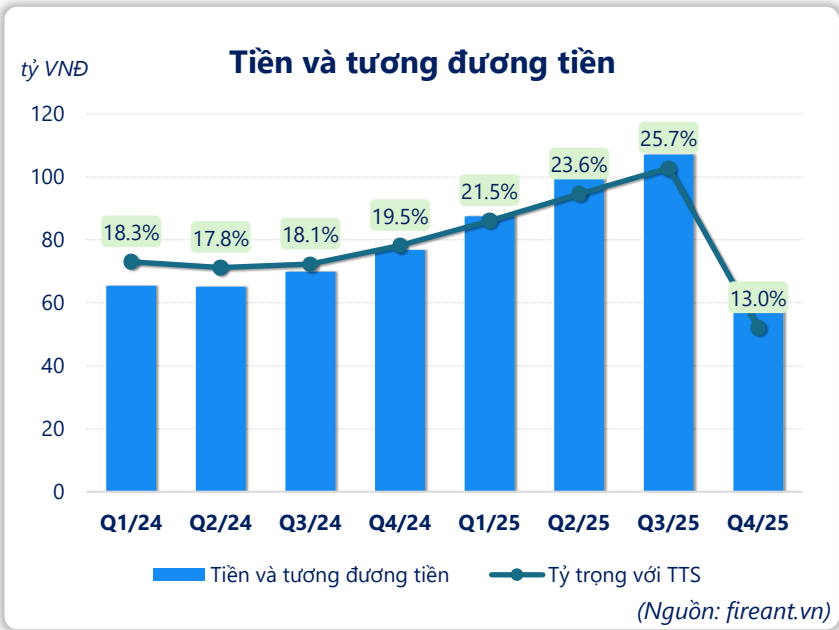
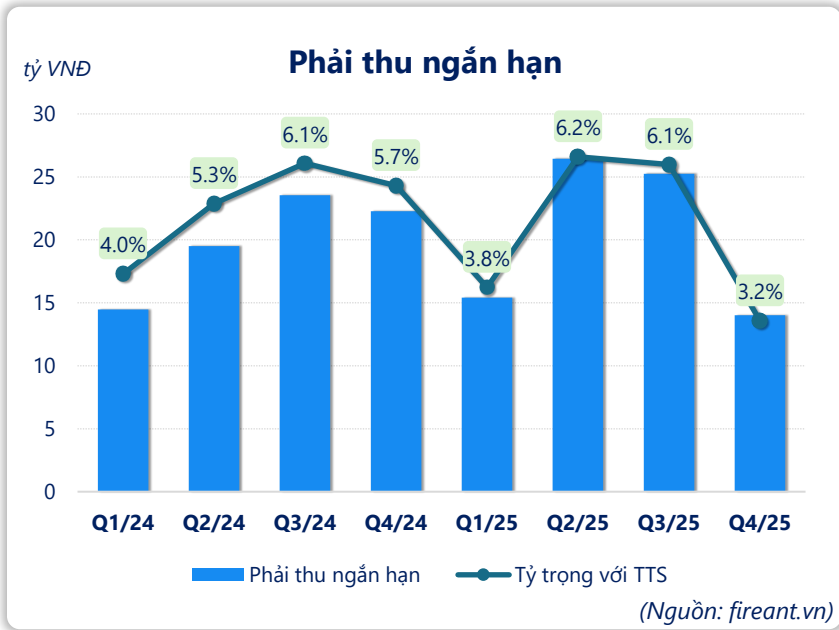
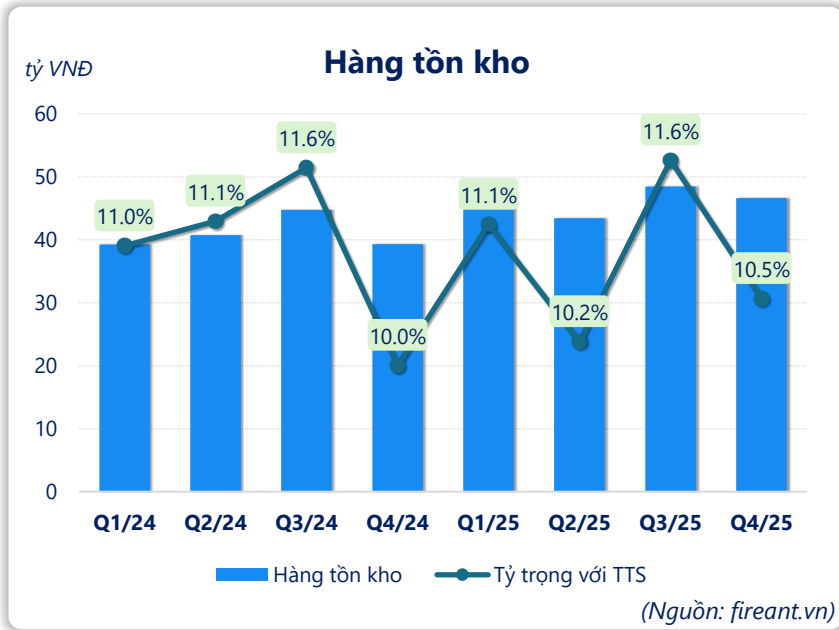
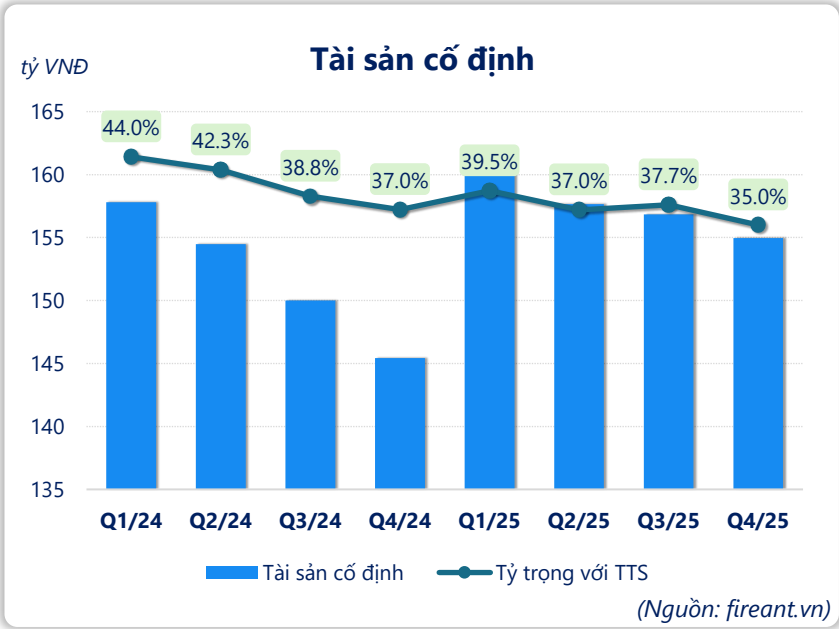
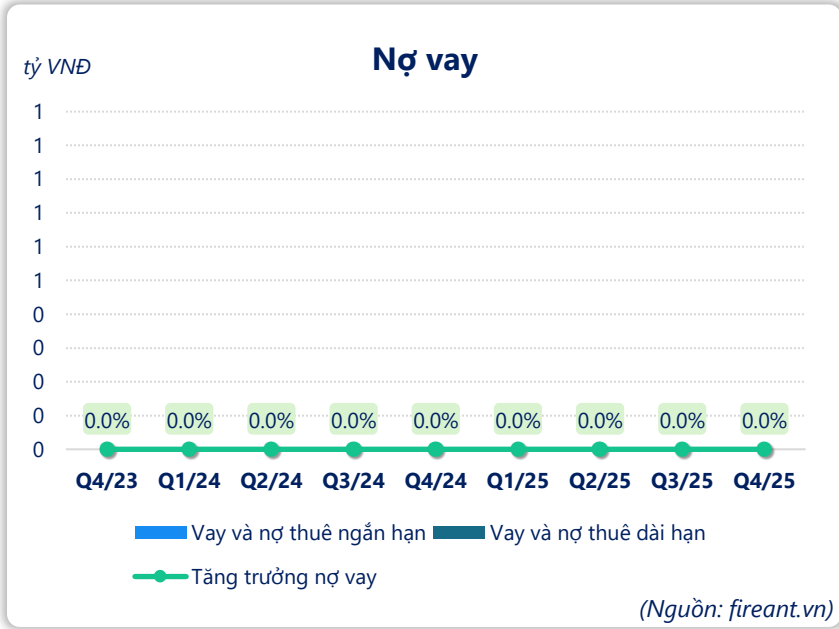
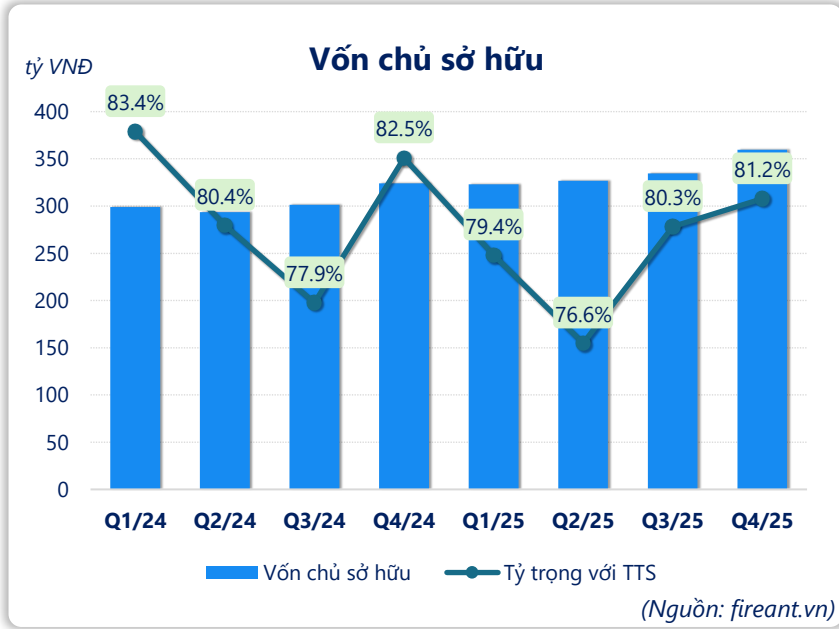
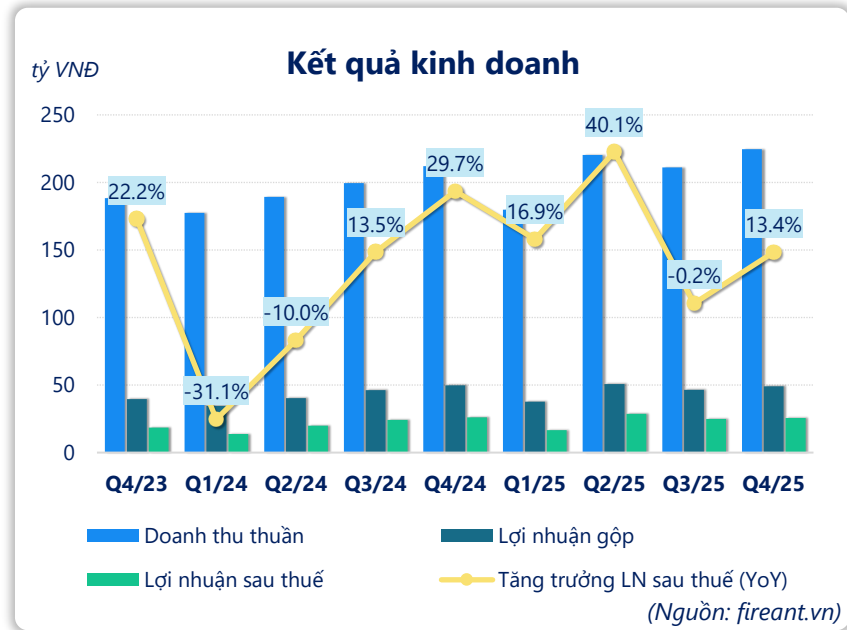
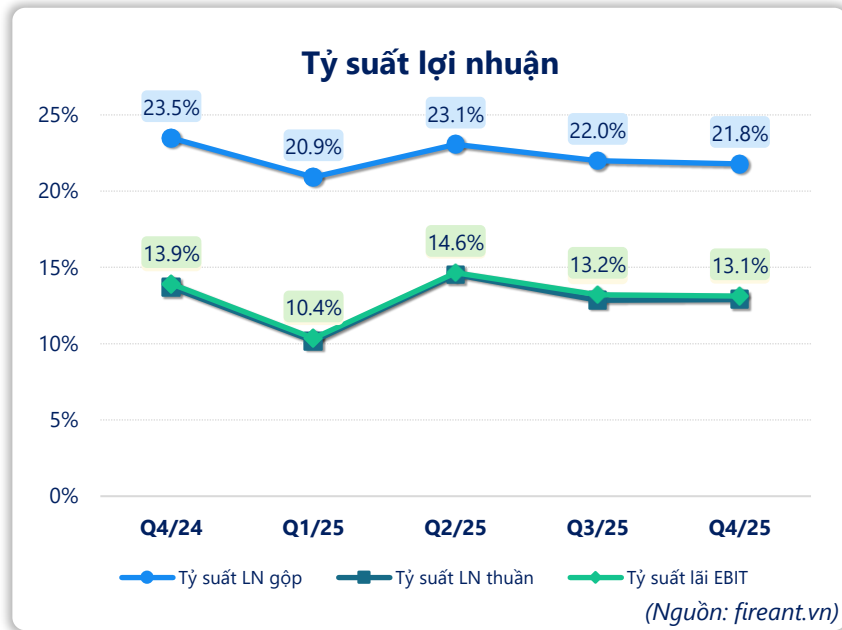
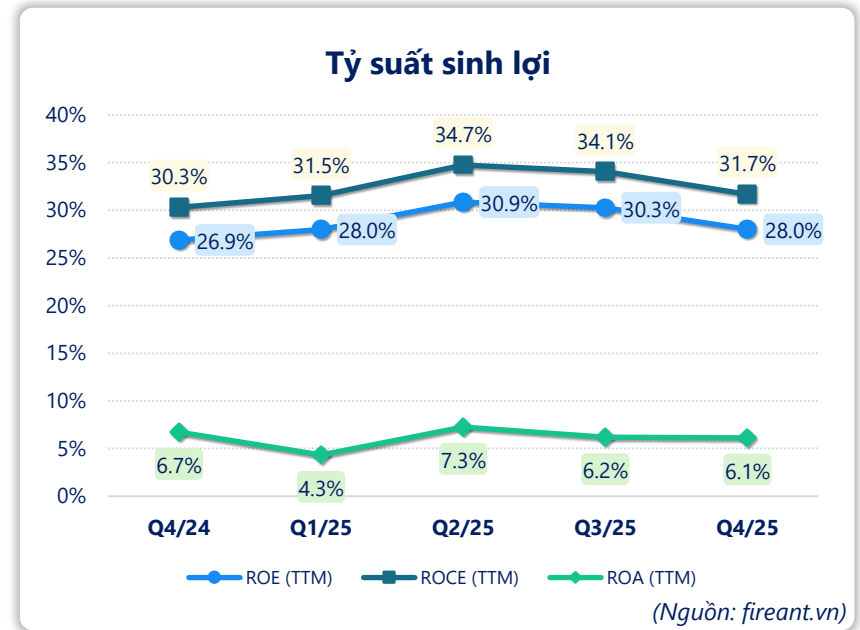
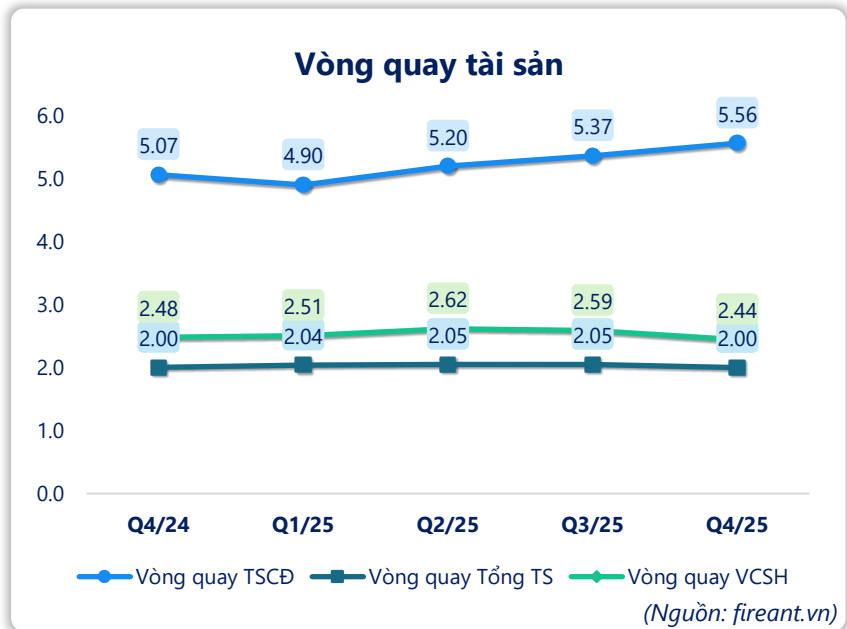
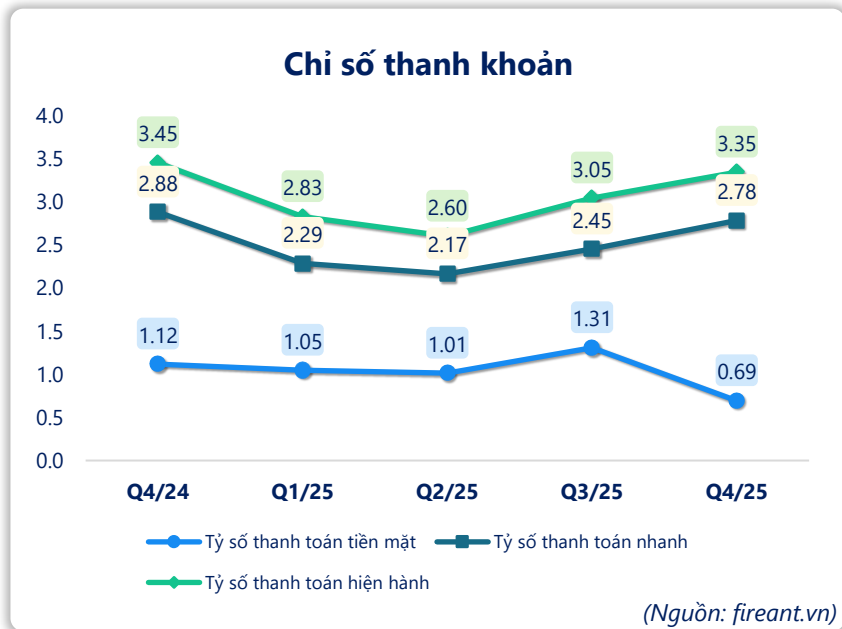
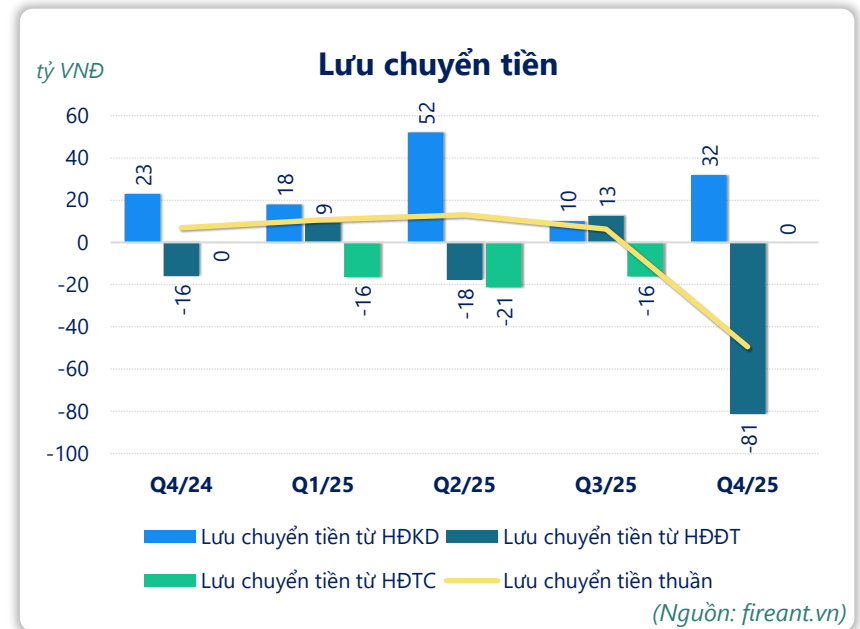


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		87,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		101,630
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		58,817
SL cổ phiếu LH		15,552,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		380
% sở hữu nước ngoài		0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,365
P/E		14.3
EPS		6,156

	YTD	1T	3T	6T
TTD	32.2%	13.7%	13.8%	23.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	443	393	12.7%
Tài sản ngắn hạn	278	237	17.3%
Tiền và tương đương tiền	57.6	76.8	-24.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	158	97.1	62.3%
Phải thu ngắn hạn	14.0	22.3	-37.1%
Hàng tồn kho	46.6	39.3	18.7%
Tài sản ngắn hạn khác	2.12	1.55	36.7%
Tài sản dài hạn	165	156	5.8%
Phải thu dài hạn	0.22	0.02	899%
Tài sản cố định	155	145	6.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	9.63	10.3	-6.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	83.1	68.6	21.1%
Nợ ngắn hạn	83.1	68.6	21.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	57.0	43.1	32.2%
Nợ dài hạn	0.03	0.03	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	360	324	11.0%
Vốn chủ sở hữu	360	324	11.0%
Vốn điều lệ	156	156	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	212	180	220	211	225
Giá vốn hàng bán	162	142	169	165	176
Lợi nhuận gộp	49.8	37.6	50.8	46.4	49.0
Doanh thu HĐTC	1.85	0.61	2.57	0.83	3.10
Chi phí TC	0.01	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.09	3.04	3.74	3.37	3.48
Chi phí QLDN	18.5	16.9	17.6	16.8	19.6
LN thuần từ HĐKD	29.0	18.3	32.0	27.1	29.0
Lợi nhuận khác	0.46	0.33	0.26	0.76	0.51
LN trước thuế	29.5	18.6	32.3	27.9	29.5
Lợi nhuận sau thuế	26.1	16.6	28.7	24.8	25.6
LNST của CĐ cty mẹ	26.1	16.6	28.7	24.8	25.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	22.9	18.0	52.1	10.0	31.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-15.9	9.19	-17.8	12.5	-81.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.07	-16.5	-21.3	-16.2	0
Tiền đầu kỳ	69.9	76.8	87.5	101	107
Lưu chuyển tiền thuần	6.89	10.7	13.0	6.36	-49.4
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0	0.15	0	0.02
Tiền cuối kỳ	76.8	87.5	101	107	57.6

(Nguồn: fireant.vn)